

CÔNG TY CỔ PHẦN
THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3
HYDRO POWER JOINT STOCK
COMPANY - POWER NO.3

Số: 908-VB/PC3HP.Co-NV
No.: 908-VB/ PC3HP.Co-NV

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc
THE SOCIALIST REPUBLIC OF VIETNAM
Independence - Freedom - Happiness

Đăk Nông, ngày 12 tháng 11 năm 2024
DakNong, November 12, 2024

CÔNG BỐ THÔNG TIN BẤT THƯỜNG
EXTRAORDINARY INFORMATION DISCLOSURE

Kính gửi:

- Sở Giao dịch Chứng khoán Việt Nam;
- Sở Giao dịch Chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh.

To:

- Vietnam Exchange;
- Hochiminh Stock Exchange.

1. Tên tổ chức/Name of organization: Công ty Cổ phần Thủy điện – Điện lực 3/
Hydro Power Joint Stock Company - Power No.3

- Mã chứng khoán / Stock code: DRL

- Địa chỉ/Address: Thôn Nhà Đèn, xã Ea Pô, huyện Cư Jút, tỉnh Đắk Nông / Nha Den
Village, Ea Po Commune, Cu Jut District, Dak Nong Province.

- Điện thoại liên hệ/Tel.: 02613 684 888; Fax: 02613 684 666

- E-mail: thuydiendl3@gmail.com

2. Nội dung thông tin công bố/Contents of disclosure:

- Nghị quyết số 49. - NQ/PC3HP.Co-HĐQT, ngày 12/11/2024 về một số nội
dung thông qua của HĐQT tại phiên họp định kỳ Quý III năm 2024;

- Resolution No. 49 - NQ/PC3HP.Co-BOD, dated November 12, 2024 regarding
some contents approved by the Board of Directors at the regular meeting of the third
quarter of 2024;

3. Thông tin này đã được công bố trên trang thông tin điện tử của công ty vào ngày
12/11/2024 tại đường dẫn <http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong> /This information was
published on the company's website on 12/11/2024, as in the link:
<http://pc3hp.com.vn/quan-he-co-dong>.

Chúng tôi xin cam kết các thông tin công bố trên đây là đúng sự thật và hoàn toàn
chịu trách nhiệm trước pháp luật về nội dung các thông tin đã công bố/We hereby certify
that the information provided is true and correct and we bear the full responsibility to the
law.

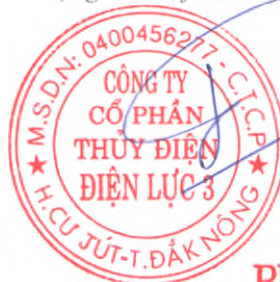
Tài liệu đính kèm/Attached
documents:

- Nghị quyết đính kèm;
- Resolution attached;

Đại diện tổ chức

Organization representative

Người đại diện theo pháp luật/Người UQ CBTT
Legal representative/ Person authorized to disclose information
(Ký, ghi rõ họ tên, chức vụ, đóng dấu)
(Signature, full name, position, and seal)



GIÁM ĐỐC
Phan Thanh Sơn

NGHỊ QUYẾT
của Hội đồng quản trị tại phiên họp định kỳ Quý III năm 2024

HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CÔNG TY CỔ PHẦN THỦY ĐIỆN - ĐIỆN LỰC 3

Căn cứ Điều lệ của Công ty cổ phần Thủy điện - Điện lực 3.

Căn cứ Quy chế nội bộ về quản trị công ty của Công ty CP Thủy điện - Điện lực 3.

Căn cứ nội dung Biên bản họp HĐQT định kỳ Quý III/2024.

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 nhất trí.

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Về kết quả thực hiện kế hoạch sản xuất kinh doanh quý III/2024: Thống nhất với các nội dung và chỉ tiêu như báo cáo của Giám đốc, cụ thể các chỉ tiêu như sau:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch Quý III năm 2024	Thực hiện Quý III/2024	Tỷ lệ (%) so với KH Quý III	Thực hiện Quý III/ 2023	Tỷ lệ (%) so với cùng kỳ
I	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	22.700.000	23.553.383	103,76	31.362.045	75,10
II	Doanh thu	Đồng	20.467.332.500	20.689.773.146	101,09	27.814.607.536	74,38
	Trong đó:						
	- Doanh thu từ sản xuất điện	Đồng	16.053.900.000	16.658.667.665	103,77	22.181.780.225	75,10
	- Doanh thu tài chính	Đồng	1.050.000.000	819.849.020	78,08	1.492.452.155	54,93
	- Doanh thu từ thuế TN	Đồng	2.116.139.000	2.363.334.673	111,68	3.011.341.536	78,48
	- Doanh thu từ phí DV môi trường	Đồng	817.200.000	847.921.788	103,76	1.129.033.620	75,10
	- Doanh thu từ tiền cấp quyền	Đồng	430.093.500		-	-	
III	Giá bán điện BQ	Đồng/kWh	707	707		707	
IV	Chi phí sản xuất kinh doanh	Đồng	12.198.814.500	9.631.857.171	78,96	9.790.878.161	98,38
V	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	8.268.518.000	11.057.915.975	133,74	18.023.729.375	61,35
VI	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	1.653.704.000	2.224.221.254	134,50	3.619.155.475	61,46
VII	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	6.614.814.000	8.833.694.721	133,54	14.404.573.900	61,33
VIII	Cổ tức dự kiến đạt được	%	6,27	8,56	136,52	14,41	59,41

- Tổng chi phí đã bao gồm việc trích nộp Thuế Tài nguyên; Phí DVMT rừng và tiền cấp quyền khai thác nước mặt.

Các chỉ tiêu tài chính lũy kế năm 2024 theo Phụ lục 1 đính kèm.

Điều 2. Tổng nhất các chỉ tiêu của kế hoạch SXKD Quý IV năm 2024:

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch quý IV/2024	Thực hiện quý IV/2023	% KH quý IV 2024/ TH quý IV/2023
I	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	28.876.694	31.362.045	92,08
II	Doanh thu	Đồng	33.119.133.018	27.814.607.536	119,07
	Trong đó:				
	- Doanh thu từ sản xuất điện	Đồng	27.768.011.906	22.181.780.225	125,18
	- Doanh thu tài chính	Đồng	800.000.000	1.492.452.155	53,60
	- Doanh thu từ thuế TN	Đồng	3.018.922.709	3.011.341.536	100,25
	- Doanh thu từ phí DV môi trường	Đồng	1.039.560.984	1.129.033.620	92,08
	- Doanh thu từ tiền cấp quyền	Đồng	492.637.419	-	
	Giá bán điện BQ	Đồng/kWh	962	707	135,96
III	Chi phí sản xuất kinh doanh	Đồng	13.642.770.815	9.790.878.161	139,34
IV	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	19.476.362.203	18.023.729.375	108,06
V	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	3.895.273.000	3.619.155.475	107,63
VI	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	15.581.089.203	14.404.573.900	108,17
VII	Cổ tức dự kiến	%	15,64	14,41	108,54

Điều 3. Tổng nhất thông qua nội dung sửa đổi bổ sung Quy định quản lý chi tiêu áp dụng trong Công ty Cổ phần Thủy điện - Điện lực 3 và giao Giám đốc công ty quyết định ban hành lần 3 để áp dụng kể từ ngày 01/10/2024.

Điều 4. Tổng nhất phê duyệt Kế hoạch LCNT công trình: Xây dựng nhà ăn, nhà nghỉ ca cho công nhân NMTĐ Đrây H'Linh 2 theo nội dung Tờ trình số 731-TTr/PC3HP.Co-NV, ngày 19/09/2024 của Giám đốc công ty.

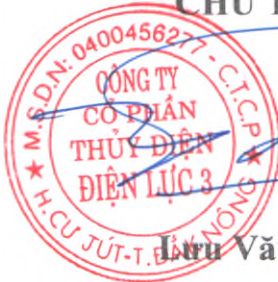
Điều 5. Tổng nhất giao Giám đốc công ty tổ chức lựa chọn và ký hợp đồng với đơn vị tư vấn để thực hiện tư vấn công bố thông tin trên thị trường chứng khoán bằng tiếng Anh kể từ ngày 01/01/2025 theo quy định tại Thông tư 68/2024/TT-BTC.

Điều 6. Các ông/bà trong HĐQT, Ban Giám đốc, Kế toán trưởng, trưởng các đơn vị và các cá nhân có liên quan chịu trách nhiệm triển khai các nội dung Nghị quyết này.

Nơi nhận:

- Như Điều 6;
- BKS;
- Lưu: VT.

TM. HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
CHỦ TỊCH



Lưu Văn Thuận

PHỤ LỤC 1: TỔNG HỢP CÁC CHỈ TIÊU SẢN XUẤT KINH DOANH LŨY KẾ NĂM 2024

TT	Nội dung	Đơn vị tính	Kế hoạch năm 2024	Lũy kế 9 tháng đầu năm 2024	% Thực hiện 9 tháng /KH năm 2024	TH lũy kế 9 tháng 2023	% 9 tháng 2024/ cùng kỳ 2023	TH tháng 10/2024	Thực hiện lũy kế 10 tháng năm 2024	DK kế hoạch tháng 11&12/2024	Dự kiến cả năm 2024	Tỷ lệ so KH
1	Sản lượng điện thương phẩm	kWh	75.000.000	48.253.559	64,34	61.898.139	77,96	10.976.694	59.230.253	17.900.000	77.130.253	102,84
2	Doanh thu	Đồng	96.727.198.000	62.769.751.256	64,89	77.795.924.664	80,69	9.933.179.018	72.702.930.274	23.185.954.000	95.888.884.274	99,13
	Trong đó:											
	- Doanh thu từ sản xuất điện	Đồng	82.261.549.000	52.875.040.253	64,28	65.316.971.759	80,95	7.763.711.906	60.638.752.159	20.004.300.000	80.643.052.159	98,03
	- Doanh thu tài chính	Đồng	3.380.000.000	2.928.171.897	86,63	3.936.416.412	74,39	250.000.000	3.178.171.897	550.000.000	3.728.171.897	110,30
	- DT từ Thuế TN nước	Đồng	7.525.462.000	4.841.737.982	64,34	5.884.109.989	82,28	1.136.634.709	5.978.372.691	1.882.288.000	7.860.660.691	104,45
	- DT từ Phí MT rừng	Đồng	2.700.000.000	1.737.128.124	64,34	2.228.333.004	77,96	395.160.984	2.132.289.108	644.400.000	2.776.689.108	102,84
	- Phí cấp quyền khai thác nước mặt	Đồng	860.187.000	387.673.000	45,07	430.093.500	90,14	387.671.419	775.344.419	104.966.000	880.310.419	102,34
	Giá bán điện bình quân	d/kWh	1.097	1.096	99,90	1.055	103,84	707	1.024	1.118	1.046	95,32
3	Chi phí sản xuất kinh doanh	Đồng	45.005.004.000	24.266.100.195	53,92	24.746.291.292	98,06	7.349.419.716	31.615.519.911	6.293.351.099	37.908.871.010	84,23
4	Lợi nhuận trước thuế TNDN	Đồng	51.722.194.000	38.503.651.061	74,44	53.049.633.372	72,58	2.583.759.301	41.087.410.362	16.892.602.901	57.980.013.264	112,10
5	Thuế thu nhập doanh nghiệp	Đồng	10.344.439.000	7.736.217.962	74,79	10.646.589.474	72,66	516.752.000	8.252.969.962	3.378.521.000	11.631.490.962	112,44
6	Lợi nhuận sau thuế TNDN	Đồng	41.377.755.000	30.767.433.099	74,36	42.403.043.898	72,56	2.067.007.301	32.834.440.400	13.514.081.901	46.348.522.302	112,01
7	Trích các quỹ (Bao gồm Quỹ KTPL và Quỹ khen thưởng Ban điều hành, KSV)		2.804.182.000	2.103.136.689	75,00	2.151.937.437	97,73	233.681.833	2.336.818.522	467.363.667	2.804.182.189	100,00
8	Lợi nhuận còn lại	Đồng	38.573.573.000	28.664.296.410	74,31	40.251.106.461	71,21	1.833.325.468	30.497.621.878	13.046.718.235	43.544.340.112	112,89
9	Cổ tức dự kiến đạt được	%	40,00	30,17	75,43	42,37	71,21	1,92	32,09	13,72	45,81	114,53

